TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT
Ngày: 05/7/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính và Ông Nguyễn Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:*** Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019/QĐ - PT ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số B, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch khu công nghiệp Q - Ngân hàng T - Chi nhánh B (Có mặt).

Địa chỉ: Đường D, khu Công Nghiệp Q, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Công ty D.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H - Giám Đốc công ty D (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Xuân H, sinh năm 1970 (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 (Có mặt).

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, Bắc Ninh.

3. Văn phòng Công chứng A.

Do ông Đỗ Tuấn B - Chức vụ: Trưởng văn phòng làm đại diện (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, Khu M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Công ty D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 23/10/2011 Công ty D (TNHH) có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng T tại Phòng giao dịch Q - chi nhánh B (Gọi tắt Ngân hàng - Phòng Giao dịch Q). Ngày 14/11/2011 Phòng giao dịch Q ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/3678750/01 với số tiền là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng chẵn*), thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày 14/11/2011, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo hợp đồng được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Ngày 10/10/2012 theo giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 309/12/HĐ Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D vay 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) để thanh toán tiền dầu, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 10/10/2012 đến ngày 10/4/2013, lãi suất là 14%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của lãi suất của Ngân hàng; Theo giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng số 351/12/HĐ ngày 14/11/2012 Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D vay số tiền là 1.670.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*) để thanh toán tiền dầu, bột mỳ và đường, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 14/11/2012 đến ngày 14/5/2013, lãi suất

là 14%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng.

Đảm bảo khoản nợ vay thì Công ty D có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp các tài sản sau:

Ngày 21/9/2010 giữa Ngân hàng Công ty D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, ngày 28/02/2013 ký Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đến ngày 30/7/2015 có văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số 97 tờ bản đồ số 02 có diện tích 81 m2 mang tên ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị P tại Phường T - TX Bắc Ninh nay là số 02 Nguyễn Bỉnh Quân, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng A- tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 12/11/2012 ký Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 01 xe ô tô tải BKS 99C - 017.18 nhãn hiệu KIA màu trắng loại xe tải đông lạnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 10/4/2013 khi các khoản vay đến hạn thanh toán Công ty D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không hợp tác với Ngân hàng về việc thanh toán nợ. Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty D vẫn không thanh toán trả nợ.

Tính đến ngày 09/10/2017, tổng dư nợ của Công ty D tại Ngân hàng - Phòng Giao dịch Q tổng cộng cả gốc và lãi là: 3.628.818.077 đồng (Ba tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười tám nghìn không trăm bảy bảy đồng). Trong đó tiền gốc là 1.935.500.000 đồng, tiền lãi bao gồm lãi và lãi phạt quá hạn là 1.693.318.077 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bị đơn là Công ty D phải trả cho Ngân hàng - Phòng Giao dịch Q tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/01/2019 là 4.001.685.785 (*Bốn tỷ, không trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó số tiền gốc là 1.839.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn*) và tiền lãi phải trả 2.162.685.785 đồng (bao gồm lãi và lãi phạt quá hạn) Công ty D tiếp tục phải trả lãi đối với khoản tiền trên cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty D không trả được số tiền trên thì đề nghị xử lý tài sản đảm bảo của bên thứ ba để thu hồi trả nợ Ngân hàng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án đại diện bị đơn Công ty D trình bày như sau:

Từ năm 2010, Công ty D (gọi tắt là Công ty D) do anh Lê Xuân H làm giám đốc đã nhiều lần vay tiền tại Ngân hàng T chi nhánh B - Phòng giao dịch Q để xây dựng nhà xưởng và kinh doanh Bánh kẹo, lãi suất vay có thời điểm 12%/năm, có thời điểm là 24%/năm, lãi suất chậm nộp là 150%. Năm 2012, Công ty đã trả được 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) và sau đó Công ty đã nhiều lần trả tính đến nay Công ty chỉ còn nợ 1.691.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng chẵn) tiền gốc theo hai khế ước nhận nợ. Do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên chưa thanh toán trả được cho Ngân hàng và nay đại diện công ty ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty được khoanh nợ số tiền gốc là 1.691.000.000 đồng để Công ty được trả dần còn số lãi xin được trả 50% lãi trong hạn, còn số lãi phạt thì Công ty xin Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân H và chị Nguyễn Thị P không có ý kiến trình bày, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc và đã giải thích quyền và nghĩa vụ nhưng anh H, chị P không trình bày ý kiến của mình.

Văn phòng Công chứng A do ông Đỗ Tuấn B trình bày: Văn phòng Công chứng A có ký công chứng các văn bản hợp đồng giữa Công ty D với Ngân hàng T chi nhánh B – Phòng Giao dịch Q và người liên quan là anh Lê Xuân H và chị Nguyễn Thị P, trước khi ký đều có mặt các bên là đại diện Ngân hàng, Công ty và anh H, chị P việc ký kết đều tự nguyện và được ký trước mặt công chứng viên nên ông khẳng định các hợp đồng công chứng là đúng theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Áp dụng: Điều 30, 35, Điều 144, 147, 227, 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 137, 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của chính phủ quy

định về giao dịch đảm bảo. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc Công ty D do ông Lê Xuân H là đại diện phải trả Ngân hàng T chi nhánh B - Phòng giao dịch Q số tiền tính đến ngày 10/01/2019, tổng cả gốc và lãi là 4.001.685.785 đồng (Bốn tỷ, không trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.839.000.000 đồng và lãi là 1.453.215.986 đồng, lãi quá hạn 709.469.799 đồng và số nợ phát sinh tính trên số dư nợ gốc tính từ ngày 10/01/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/3678750/01 đã ký ngày 14/11/2011.

Trường hợp Công ty D do ông Lê Xuân H đại diện không trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 97 tờ bản đồ số 02 có diện tích 81m^2 mang tên ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị P tại Phường T, thị xã B nay là số 02 N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng A - tỉnh Bắc Ninh và 01 xe ô tô tải BKS 99C - 017.18 nhãn hiệu KIA màu trắng loại xe tải đông lạnh để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/01/2019, đại diện theo pháp luật của Công ty D là ông Lê Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Xuân H là người đại diện theo pháp luật của Công ty D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc H đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Công ty phải thanh toán trả toàn bộ số tiền gốc và lãi Công ty nợ Ngân hàng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án

đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát lập luận về đường lối xét xử cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty D. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, y án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty D kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của Công ty D, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét việc ký kết các hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/3678750/01 ngày 14/11/2011 giữa Công ty D với Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 21/9/2010 giữa Ngân hàng và Công ty D; Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 28/02/2013, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và công trình trên đất ngày 30/7/2015, hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba ngày 12/11/2012 ký kết giữa ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị P với Ngân hàng thì thấy:

Về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng giữa các bên là đúng đối tượng, đủ thành phần và đều có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi theo quy định pháp luật để tham gia ký kết. Về nội dung của hợp đồng các bên thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được ký kết trên cơ sở tự nguyện.

Về hình thức hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, có các nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn cho vay…theo quy định tại Điều 17 Quyết định 1627 ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng

ủy quyền xử lý tài sản đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba được lập thành văn bản có công chứng hợp pháp và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Xét về hình thức, nội dung, chủ thể hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp trên đều tuân thủ đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định của Bộ luật dân sự và pháp luật có liên quan. Do vậy giao dịch này là hợp pháp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

[2.2] Xét về quá trình thực hiện hợp đồng thấy: Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đúng cam kết, giải ngân đủ số tiền vay cho Công ty D theo thỏa thuận. Ngược lại phía Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện để Công ty trả nợ nhưng Công ty vẫn không trả nợ. Như vậy xét về lỗi, thì việc không thanh toán đầy đủ nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn trả theo thỏa thuận của Công ty là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Ngân hàng đã có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày tính đến ngày 10/01/2019 với số tiền gốc là 1.839.000.000 đồng và lãi là 1.453.215.986 đồng, lãi quá hạn 709.469.799 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 4.001.685.785 đồng (*Bốn tỷ, không trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng*) và số nợ phát sinh tính trên số dư nợ gốc tính từ ngày 10/01/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/3678750/01 đã ký ngày 14/11/2011 cho đến khi thanh toán trả xong công nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn là đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của Công ty D là không có căn cứ.

Tuy nhiên, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 97 tờ bản đồ số 02 (hiện tại là thửa đất số 95 tờ bản đồ số 14) có diện tích 81m^2 mang tên ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị P tại Phường T – thị xã B, tỉnh Bắc Ninh nay là số 02, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vì vậy cần chỉnh sửa lại tuyên cụ thể như trên cho chính xác.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 30, 35, 144, 147, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 137, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc Công ty D do ông Lê Xuân H là đại diện phải trả Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 10/01/2019, tổng cả gốc và lãi là 4.001.685.785 đồng (*Bốn tỷ không trăm linh một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 1.839.000.000 đồng và lãi là 1.453.215.986 đồng, lãi quá hạn 709.469.799 đồng và số nợ phát sinh tính trên số dư nợ gốc tính từ ngày 10/01/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/3678750/01 đã ký ngày 14/11/2011.

Trường hợp Công ty D do ông Lê Xuân H đại diện không trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 97 tờ bản đồ số 02 (hiện tại là thửa đất số 95 tờ bản đồ số 14) có diện tích 81m^2 mang tên ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị P tại Phường T – thị xã B nay là số 02 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng A - tỉnh Bắc Ninh và 01 xe ô tô tải BKS 99C - 017.18 nhãn hiệu KIA màu trắng loại xe tải đông lạnh để thu hồi nợ.

Về án phí: Công ty D do ông Lê Xuân H đại diện phải chịu 112.001.686 đồng (*Một trăm mười hai triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty D đã nộp 2.000.000 đồng tiền án phí kinh

doanh thương mại phúc thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2017/0003015 ngày 23/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trả lại Ngân hàng T số tiền 52.288.000 đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 01113 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng